

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 114 /BC-UBND

Tuy Phước, ngày 18 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO

V/v dự kiến xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015

Thực hiện Công văn số 860/STNMT-CCBVMТ ngày 29/7/2014 của Sở Tài nguyên & Môi trường Bình Định v/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015, theo đề xuất của Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường tại Báo cáo số 232/BC-TNMT ngày 12/8/2014 v/v dự kiến xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015.

Qua rà soát Kế hoạch hành động bảo vệ môi trường 5 năm giai đoạn 2011-2015 của UBND huyện đã được phê duyệt tại Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 và nội dung yêu cầu của văn bản số 860/STNMT-CCBVMТ ngày 29/7/2014 của Sở Tài nguyên & Môi trường Bình Định v/v hướng dẫn xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015. UBND huyện dự thảo xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2015 trên địa bàn huyện.

(Cụ thể có dự thảo Kế hoạch bảo vệ môi trường 2015 kèm theo).

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Tuy Phước đề nghị Sở Tài nguyên & Môi trường Bình Định xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT Bình Định; (T/hợp)
- Phòng: TN&MT, KT&HT, TC-KH, NN&PTNT huyện; (đ/biết)
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hữu Lộc

KẾ HOẠCH
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Kèm theo Báo cáo số 111/BC-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2014 của UBND huyện)

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2013
VÀ NĂM 2014 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUY PHƯỚC

I. Công tác bảo vệ môi trường năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014.

1. Những kết quả đạt được:

Từ khi có Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005; Nghị quyết số 27/HQ-CP ngày 12/6/2009 của Chính phủ, về một số giải pháp cấp bách trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường và các văn bản hướng dẫn Luật đến nay, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả như sau:

1.1. Công tác quản lý nhà nước về BVMT:

- Trên cơ sở kế hoạch hành động bảo vệ môi trường huyện Tuy Phước giai đoạn 2011 – 2015, UBND huyện đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2013 và 2014;

- Công tác tuyên truyền, giáo dục từng bước được chú trọng thông qua các Hội đoàn thể, hệ thống thông tin đại chúng của huyện. Đồng thời hàng năm tổ chức hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới..., tổ chức tuyên truyền giáo dục bằng nhiều hình thức; tổ chức các hoạt động thiết thực trong công tác bảo vệ môi trường;

1.2. Nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền, Mặt trận và các tổ chức Hội đoàn thể các cấp, các tổ chức kinh tế xã hội và các tầng lớp nhân dân từng bước đã được nâng lên. Chính quyền các cấp quan tâm hơn đến vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các doanh nghiệp và người dân cũng ý thức hơn đối với việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

1.3. Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường từ huyện đến các xã, thị trấn từng bước được tổ chức và kiện toàn, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chỉ đạo quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

1.4. Công tác xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường từng bước được thực hiện, huy động được các tầng lớp nhân dân tham gia công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời song song với việc phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, thương mại

dịch vụ đi đôi với công tác bảo vệ môi trường, tăng cường công tác kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt được quan tâm đã góp phần từng bước làm sạch môi trường trong các khu dân cư, đô thị và nông thôn;

1.5. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Luật Bảo vệ môi trường:

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường, các ban ngành của huyện, công an huyện và địa phương thường xuyên phối hợp tổ chức nhiều đợt thanh, kiểm tra diện rộng góp phần tăng cường hiệu lực trong việc bảo đảm thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ thương mại. Xử lý kiên quyết những cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

1.6. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ, quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP và Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết, lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản. UBND huyện đã ký xác nhận cam kết bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Năm 2013: 31 bản cam kết bảo vệ môi trường và 38 Đề án bảo vệ môi trường;
- Sáu tháng đầu năm 2014: 20 bản cam kết bảo vệ môi trường và 04 Đề án bảo vệ môi trường;
- Tăng cường sự phối hợp giữa các sở ngành của tỉnh và địa phương trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

1.7. Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn:

Hiện nay công tác thu gom chất thải rắn (rác thải sinh hoạt) được Ban Quản lý nước sạch và vệ sinh môi trường huyện tổ chức thu gom và mở rộng địa bàn thu gom đến 13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, đồng thời gắn với công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành và triển khai Đề án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn huyện giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

2. Những tồn tại, yếu kém:

2.1. Sự nhận thức về công tác bảo vệ môi trường mới chỉ dừng lại ở mức hiểu biết về lợi ích, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường mà chưa nâng lên thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở một số địa phương, cơ sở sản xuất kinh doanh, tư tưởng coi trọng lợi ích cục bộ, lợi ích trước mắt về kinh tế mà không chú ý đến lợi ích về bảo vệ môi trường. Hiện tượng một số cơ sở sản xuất, kinh doanh còn xem nhẹ công tác bảo vệ môi trường, không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường hoặc chỉ thực hiện

mang tính đối phó còn xảy ra khá phổ biến. Phần lớn các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thương mại chưa tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường. Tình trạng khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản còn diễn biến phức tạp ở một số địa phương nhất là khai thác đá xây dựng tại khu vực núi Hòn Chà, núi Kỳ Sơn, núi Hòn Vô, ... và khai thác cát tại khu vực sông Hà Thanh, sông Kôn, sông Gò Bồi sau mùa mưa lũ. Hiện tượng các hộ dân vứt rác thải, xác súc vật chết, đổ nước thải xuống kênh, mương, sông, gôm cầu, cống rãnh, tả luy đường làm tắc cống rãnh thoát nước, gây ô nhiễm môi trường. Việc khai thác thủy sản bằng xung điện, xiết máy ở kênh, sông, ao hồ, đầm Thị Nại vẫn còn xảy ra.

2.2. Các dự án đầu tư xây dựng cụm kinh tế kỹ thuật, khu dân cư chưa chú trọng xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý chất thải ngay từ đầu. Hiện nay nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp môi trường còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu trên địa bàn huyện.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh thương mại dịch vụ chưa chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ để tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và giảm thiểu chất thải ra môi trường. Đáng lưu ý hơn về trách nhiệm đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý chất thải ở các cơ sở sản xuất chưa thực hiện nghiêm túc, một số cơ sở sản xuất còn vi phạm.

2.3. Công tác quản lý nhà nước về môi trường chưa được tăng cường đúng mức, hiệu quả còn thấp, cán bộ chuyên trách về môi trường ở cấp xã, thị trấn đa phần không được đào tạo đúng chuyên ngành, phần lớn lảm công tác kiêm nhiệm. Sự phối hợp giữa các ban ngành chưa chặt chẽ, kém hiệu quả, có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm gây ách tắc tiến độ giải quyết công việc. Một số trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường chưa được xử lý kiên quyết, tình trạng đơn thư khiếu nại liên quan đến bảo vệ môi trường diễn biến khó lường.

2.4. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, huy động mọi tầng lớp cùng tham gia bảo vệ môi trường còn hạn chế, việc thu hút đầu tư về tài chính của toàn xã hội cho công tác bảo vệ môi trường còn thấp dẫn đến áp lực lớn đối với ngân sách Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường.

3. Nguyên nhân chủ yếu:

Ngoài các nguyên nhân khách quan về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, còn các nguyên nhân chủ quan sau:

3.1. Về phía nhà nước, chính quyền và Hội, đoàn thể các cấp:

- Công tác tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường chưa thường xuyên, sâu rộng trong quần chúng nhân dân, chưa định hướng những vấn đề cơ bản cho nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời chưa phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân trong việc đấu tranh phòng chống các trường hợp gây ô nhiễm môi trường;

- Công tác quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở về bảo vệ môi trường còn có nơi buông lỏng, chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm Luật Bảo vệ môi trường theo thẩm quyền. Việc đầu tư phát triển kinh tế chưa gắn

với công tác đầu tư bảo vệ môi trường, mặt khác chưa huy động được các nguồn nhân lực của tổ chức và cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường;

Các ban, ngành, Hội, đoàn thể của huyện chưa phối hợp chặt chẽ trong công tác vận động, hướng dẫn cụ thể về công tác bảo vệ môi trường cho các hộ nông dân phát triển kinh tế theo mô hình vườn, ao, chuồng, trang trại, gia trại chăn nuôi nên đa số các hộ chăn nuôi không xây dựng hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi đã gây ô nhiễm môi trường trong cộng đồng dân cư...

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường ở cấp cơ sở nhìn chung vừa thiếu vừa yếu chưa thể hiện tốt vai trò tham mưu tích cực cho chính quyền cơ sở giải quyết những vấn đề bức xúc môi trường ở địa phương;

3.2. Về phía Doanh nghiệp và cơ sở sản xuất:

Chưa tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ coi trọng lợi ích kinh tế, xem nhẹ công tác bảo vệ môi trường. Ngoài ra các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư chưa có biện pháp bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong sản xuất chưa đúng quy trình, thậm chí có cơ sở sản xuất thải chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất thải trực tiếp ra môi trường.

3.3. Cộng đồng dân cư:

Công tác bảo vệ môi trường nhìn chung mới dừng lại về mặt nhận thức, chưa có ý thức tự giác tham gia bảo vệ môi trường và đấu tranh chống suy thoái môi trường, việc tuân thủ pháp luật về môi trường còn hạn chế, vẫn còn một số bộ phận lớn trong cộng đồng dân cư chưa tham gia phí vệ sinh môi trường.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và tình hình chi ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2013 – 2014:

1. Thực hiện các chỉ tiêu môi trường trên địa bàn huyện:

Tỷ lệ che phủ rừng năm 2013 đạt 7,8%, ước thực hiện năm 2014 đạt 08%, dự kiến năm 2015 đạt 08%;

Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch năm 2013 là 40%, ước thực hiện năm 2014 là 40% dự kiến năm 2015 đạt khoảng 42%;

Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2013 đạt 92,5%, ước thực hiện năm 2014 đạt khoảng 95%, dự kiến năm 2015 đạt khoảng 96%;

Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng được trang bị giảm ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải trên địa bàn huyện năm 2013 đạt 90%, năm 2014 đạt khoảng 92%, dự kiến năm 2015 đạt khoảng 95%;

Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trên địa bàn huyện đối với các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn năm 2014 - 2015 đạt 70%;

Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trên địa bàn huyện đối với 02 thị trấn hiện nay đạt 70%, dự kiến 2015 đạt 75%;

Kinh phí sự nghiệp môi trường đã thực hiện năm 2013 với tổng số tiền 556.048.000 đồng; sáu tháng đầu năm 2014 đã thực hiện với tổng số tiền 403.012.438 đồng và ước thực hiện trong năm 2014 khoảng 1.400.000.000 đồng; Kế hoạch sự nghiệp môi trường năm 2015 với tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng.

2. Thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2013 và năm 2014:

2.1. Bảo vệ môi trường từ khâu xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế trong đầu tư xây dựng:

- Trước hết, yêu cầu về bảo vệ môi trường phải thực hiện ngay trong việc lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng các dự án phát triển của ngành, địa phương, khi lập dự án quy hoạch, kế hoạch chương trình và các dự án phát triển của ngành, địa phương; đồng thời tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt là cơ sở để xem xét cấp phép đầu tư thực hiện dự án và trong mỗi dự án đều bố trí đủ vốn cho việc xây dựng hệ xử lý chất thải. Kiên quyết không cho đưa vào xây dựng, vận hành, khai thác đối với các cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Cơ quan cấp phép sản xuất kinh doanh phải thông báo cho Phòng Tài nguyên & Môi trường, các cơ quan có liên quan và địa phương kiểm tra địa điểm, ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh để hướng dẫn lập hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động;

2.2. Bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ thương mại:

* Đối với các cơ sở đã đi vào hoạt động:

- Kiểm tra lại việc thực hiện các nội dung đã nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc xây dựng và vận hành các hệ thống xử lý chất thải sản xuất bao gồm: Rác thải (chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại), nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn và cam kết xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định pháp luật, gửi cấp có thẩm quyền theo dõi và chỉ đạo.

- Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường/ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khắc phục các khu vực môi trường đã bị ô nhiễm, suy thoái.

- Trước mắt kiên quyết xử lý những cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xen kẽ trong các khu dân cư, khu đô thị gây ô nhiễm môi trường. Về lâu dài phải xây dựng phương án – chính sách di dời ra khỏi khu dân cư.

* Đối với các dự án mới:

- Phải giám sát chặt chẽ trong việc lập dự án đầu tư xây dựng Dự án sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mới, phải xem xét cụ thể nguồn vốn đầu tư cho hệ thống xử lý chất thải và hệ thống xử lý chất thải đó có phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh và đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành theo quy định pháp luật.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, cải tiến dây chuyền công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết

kiểm trong việc sử dụng nhiên liệu, năng lượng đầu vào và giảm thiểu chất thải ra môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại.

2.3. Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp – lâm nghiệp:

Vận động tuyên truyền đến các hộ dân về cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật, nước vệ sinh các thiết bị dụng cụ (bình phun) sau khi sử dụng phải được xử lý đúng theo quy định không gây ô nhiễm môi trường đất, nước...

* Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi gia súc, gia cầm:

- Đối với các tổ chức cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô công nghiệp thì phải lập hồ sơ môi trường theo quy định pháp luật, đồng thời xây dựng hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và gây ảnh hưởng dân cư xung quanh.

- Trong chăn nuôi theo hộ gia đình: Phải tuyên truyền hướng dẫn xây dựng hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi như: Xây dựng hầm Bioga, thường xuyên vệ sinh chuồng trại, khử trùng phòng ngừa dịch bệnh theo định kỳ,..., xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

* Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản:

- Vận động nhân dân khôi phục rừng ngập mặn, trồng cây phân tán trong các ao hồ nuôi; xử lý các chai lọ, bao bì vật tư thú y, nạo vét bùn lắng và chất tồn dư phải thu gom và xử lý đúng theo quy định không thải ra môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý các hành vi khai thác nguồn lợi thủy sản mang tính hủy diệt theo quy định pháp luật.

* Bảo vệ môi trường trong sản xuất lâm nghiệp:

- Vận động nhân dân trồng rừng, trồng cây phân tán và khai thác rừng trồng hợp lý, giữ gìn đa dạng sinh học, đảm bảo môi trường sinh thái bền vững;

- Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý các hành vi khai thác rừng trái phép; thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng.

2.4. Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, khôi phục môi trường các khu vực khai thác khoáng sản.

- Đôn đốc kiểm tra việc thực hiện đóng góp kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật.

* Đối với các Doanh nghiệp khai thác đá làm vật liệu xây dựng, khai thác sỏi đồi san lấp mặt bằng:

+ Phải xây dựng hệ thống kè chắn hạn chế sạt lở sa bồi ra khu dân cư và thiệt hại hoa màu của dân.

+ Trong quá trình khai thác phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định pháp luật (trồng cây tái tạo rừng).

* Đối với các Doanh nghiệp khai thác cát lòng sông, bãi bồi ven sông: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện phương án khai thác, để tránh gây sạt lở bờ sông, các công trình ven sông; khơi thông dòng chảy, không làm thay đổi dòng chảy.

2.5. Tôn tạo cảnh quan môi trường Đô thị - khu dân cư, cụm điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan đô thị - khu dân cư, Cụm công nghiệp, điểm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm tại nguồn, quản lý và xử lý chất thải, nhất là chất thải nguy hại.

- Nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung, từng bước xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen và nếp sống thiếu lành mạnh, không hợp vệ sinh, chấm dứt tình trạng đổ rác, vứt xác chết động vật, xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường... vừa ảnh hưởng mỹ quan và gây ô nhiễm môi trường.

- Quan tâm bảo vệ, giữ gìn và tôn tạo cảnh quan môi trường, thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt để bảo vệ môi trường các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, cơ quan, trường học, phải bố trí các thùng đựng rác tại các điểm công cộng hợp vệ sinh và nôm nết nội quy về đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Dự kiến mức độ hoàn thành trong năm 2014:

- Kiểm tra lại việc thực hiện các nội dung đã nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc xây dựng và vận hành các hệ thống xử lý chất thải sản xuất bao gồm: Rác thải (chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại), nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn và cam kết xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Trước mắt kiên quyết xử lý những cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ xen kẽ trong các khu dân cư, khu đô thị gây ô nhiễm môi trường. Về lâu dài phải xây dựng phương án – chính sách di dời ra khỏi khu dân cư.

- 100% cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và chăn nuôi gia súc, gia cầm mang tính chất công nghiệp đã đi vào hoạt động phải lập Cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường giản đơn theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 18/4/2011 và được cấp thẩm quyền xác nhận.

- 90% cơ sở sản xuất kinh doanh đã được cấp giấy xác nhận bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường giản đơn phải xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý chất thải và đưa vào vận hành.

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phước An.

- Phối hợp với các Phòng, ban, Hội, đoàn thể của huyện và chính quyền địa phương tổ chức triển khai Đề án thu gom rác thải tại cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện giai đoạn đến năm 2015 và dự kiến đến năm 2020;

4. Những tồn tại, khó khăn:

Cán bộ địa chính các xã, thị trấn kiêm nhiệm về công tác bảo vệ môi trường, chưa có chuyên môn chuyên ngành, nhận thức pháp luật về BVMT còn hạn chế nên việc tham mưu UBND xã, thị trấn trong công tác quản lý nhà nước về môi trường còn bất cập.

- Kinh phí xây dựng hệ thống xử lý chất thải tại các làng nghề trên địa bàn huyện còn gặp khó khăn.

- Chưa có kinh phí xây dựng hệ thống xử lý nước mặt của 02 thị trấn trên địa bàn huyện.

- Kinh phí xử lý rác thải tại bãi rác Long Mỹ còn gặp nhiều khó khăn nếu mở rộng công tác thu gom 13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện thì nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường chưa đáp ứng được nhu cầu chi hỗ trợ xử lý rác thải trên địa bàn tại bãi rác Long Mỹ.

- Việc xử lý rác thải sau thu hoạch, thu gom và xử lý các bao bì đựng chế phẩm bảo vệ thực vật, chất thải chăn nuôi, ..., chưa có hiệu quả.

- Lực lượng tham gia kiểm tra khai thác khoáng sản trái phép còn mỏng, phối hợp chưa đồng bộ.

5. Kiến nghị và đề xuất:

- Trước mắt đề nghị Sở Tài nguyên & Môi trường tổ chức tập huấn chuyên sâu về công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cho cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường khoáng sản các xã, thị trấn. Về lâu dài xem xét bố trí cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường các xã, thị trấn.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống xử lý chất thải tại các làng nghề và hệ thống xử lý nước mặt của 02 thị trấn trên địa bàn huyện.

PHẦN II

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2015

Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015:

1. Phối hợp Mặt trận và các hội đoàn thể huyện thường xuyên tuyên truyền, các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường đến cộng đồng dân cư, đồng thời xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường do hội viên tự quản.

2. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường ở các cụm công nghiệp, cụm kinh tế kỹ thuật, làng nghề, các khu dân cư tập trung ở 02 thị trấn và vùng nông thôn, cải tạo và xử lý ô nhiễm môi trường trên một số dòng sông, ao, hồ và trên đầm Thị Nại thuộc 04 xã khu đông.

3. Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, khai thác rừng, bảo đảm cân bằng sinh thái bảo tồn thiên nhiên và giữ gìn đa dạng sinh học, khắc phục cơ bản tình trạng suy thoái tài nguyên

rừng. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình quy hoạch, xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa, bãi phân loại và trung chuyển rác thải trên địa bàn huyện.

4. Đưa hệ thống xử lý nước thải của cụm công nghiệp Phước An vào hoạt động chậm nhất ngày 31/12/2014.

5. Mở rộng địa bàn thu gom rác thải sinh hoạt theo lộ trình của Đề án thu gom rác thải đã được phê duyệt tại Quyết định 92/QĐ-CTUBND ngày 10/02/2011 của Chủ tịch UBND huyện và tổ chức triển khai Đề án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn huyện giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND huyện;

Trên đây là công tác bảo vệ môi trường năm 2013, 6 tháng năm 2014 và dự kiến Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015 của UBND huyện, đề nghị Sở Tài nguyên & Môi trường xem xét tổng hợp./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hữu Lộc



DANH SÁCH TỔNG HỢP VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Báo cáo số 4/BC-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2014 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Ước thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
01	Tỷ lệ che phủ rừng	%	7,8	8	8	
02	Tỷ lệ dân cư ở đô thị được sử dụng nước sạch	%	40	40	42	
03	Tỷ lệ dân cư ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92,5	95,5	96	
04	Kinh phí sự nghiệp môi trường	%	556.048.000	1.400.000.000	1.400.000.000	Sáu tháng đầu năm 2014 đã thực hiện 403.012438 đồng